

UBND PHƯỜNG SÀI GÒN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
VÕ TRƯỜNG TOẢN
Số: 193 /QĐ-VTT/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Sài Gòn, ngày 13 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai mức hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
Năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 5542/BGDĐT- KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục, Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai mức hỗ trợ chi phí học tập, đối tượng, điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 (Biểu phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng trường, Văn phòng, kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường THCS Võ Trường Toản
- Lưu: VT,KT



Trần Thúy An

PHỤ LỤC

Công khai mức hỗ trợ chi phí học tập, đối tượng, điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026

(Đính kèm Quyết định 193/QĐ-VTT/2025 ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc công bố công khai mức hỗ trợ chi phí học tập, đối tượng, điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản)

I. Quy định về hồ sơ thủ tục thực hiện hỗ trợ chi phí học tập đối với người học tại các cơ sở giáo dục phổ thông (quy định tại Điều 18 Nghị định 238/2025/NĐ-CP)

1. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập: Mẫu đơn theo phụ lục II, ban hành theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân Phường, xã cấp đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường cấp với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự thực hiện

Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh phổ thông thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập nộp đơn theo mẫu phụ lục II, ban hành theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 5 điều 18 để chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc hệ thống giao dịch điện tử.

3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập gửi Ủy ban nhân dân phường Sài Gòn thẩm định.

II. Quy định về cơ chế hỗ trợ chi phí học tập (theo quy định tại Điều 19 Nghị định 238/2025/NĐ-CP.)

1. Nhà nước cấp trực tiếp tiền hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng quy định tại Điều 17 Nghị định này với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không



quá 9 tháng/năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

2. Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) của trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đã nộp hồ sơ đúng theo quy định tại Nghị định này chưa nhận được tiền cấp bù miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh hoặc giảm trừ trong lần chi trả tiếp theo.

III. Quy định về đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ

STT	NỘI DUNG	MỨC HỖ TRỢ	GHI CHÚ
1	Học sinh mẫu giáo, phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	150.000đ/học sinh/tháng	Được hưởng: 9 tháng/năm học, theo số tháng thực học
2	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông khuyết tật	150.000đ/học sinh/tháng	Được hưởng: 9 tháng/năm học, theo số tháng thực học

